

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/DS-PT

Ngày: 14 - 4 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Quảng Lực

*Các Thẩm phán:*

Ông Trần Đức Long

Bà Từ Thị Hải Dương

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thanh Thuý – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:*** Bà Nguyễn Thị Hường  
- Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2021, tại Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT- DS ngày 06/01/2021 về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2020/DS – ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 466/2021/QĐ-PT ngày 26/3/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C; địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

+ Ông Lê Minh T – Luật sư Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: số 72 đường T, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

+ Ông Nguyễn Hữu L – Luật sư Văn phòng luật sư M, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: số 276 đường C, quận T, thành phố Đà Nẵng; có mặt;

2. Bị đơn: Tổng Công ty Bảo hiểm B; địa chỉ: số 104, phố T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V – Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 373/UQ-BHBV, có hiệu lực ngày 25/01/2021:

+Người thứ nhất: Ông Dương Anh D – Phó Giám đốc phụ trách Công ty B; có mặt;

+Người thứ hai: Ông Nguyễn Đình H – Phó Phòng bảo hiểm số 2 – Công ty B; có mặt;

+Người thứ ba: Ông Phan D1 – Chuyên viên Ban Pháp chế và Kiểm tra nội bộ – Tổng Công ty Bảo hiểm B; có mặt;

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+Công ty B; địa chỉ cư trú: đường Phạm Văn Đ, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Anh D – Phó Giám đốc phụ trách; có mặt;

+Bà Trần Thị H1; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

4. Người làm chứng:

+Ông Võ Văn S; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

+Ông Nguyễn Xuân Đ ; địa chỉ: Số 266 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt;

+Ông Nguyễn Quang T ; địa chỉ: Số 266 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

+Ông Trần Ngọc Y, địa chỉ: Số 266 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

+Ông Nguyễn Đình H; địa chỉ: Đường Phạm V, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

+Ông Mai Quốc T 2; địa chỉ: Đường Phạm Văn Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt;

+Ông Mai Duy N; địa chỉ: Đường Phạm Văn Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, quan điểm của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C như sau:

Ngày 20/6/2019, Công ty B đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá số 3019151 mang số hiệu QB -92246-TS, thời hạn bảo hiểm từ ngày 20/6/2019 đến hết ngày 19/6/2020, kèm theo Hoá đơn GTGT thu phí bảo hiểm số 0001972 do Công ty B phát hành ngày 26/6/2019 với số tiền là 67.650.000 đồng cho chủ tàu cá QB -92246-TS là ông Nguyễn Văn C, sau khi hai bên ký Hợp đồng bảo hiểm thân tàu cá và thuyền viên. Về pháp lý thì ông C đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của người tham gia bảo hiểm nên Công ty B mới có căn cứ để cấp Hoá đơn giá trị gia tăng và kèm theo là Giấy chứng nhận Bảo hiểm tàu cá theo quy định của Luật Bảo Hiểm.

Trong lúc đang hoạt động đánh bắt cá ngoài khơi thì gặp nạn và bị chìm vào lúc 15 giờ ngày 26/8/2019, tất cả thuyền viên đã được tàu cá QB -02689-TS của ông Nguyễn Văn H3 cứu hộ vào bờ an toàn.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, ông C đã hợp đồng với ông Nguyễn Văn B ở quận S, thành phố Đà Nẵng để trực vớt tàu theo chỉ đạo của Công ty B. Cùng ngày ông Nguyễn Xuân Đ và ông Nguyễn Quang T là nhân viên của Công ty B đã chuyển số tiền 150.000.000 đồng bằng Ủy nhiệm chi tại Vietcombank cho ông Nguyễn Văn B để thực hiện hợp đồng trực vớt. Vì thời tiết quá xấu nên việc trực vớt bất thành.

Ngày 08/10/2019, Công ty B có Công văn số 343/BVQB-GĐBT về việc giải quyết tổn thất thân tàu cá QB -92246-TS bị chìm ngày 26/8/2019 tại vùng biển Đà Nẵng. Nội dung Công văn cho rằng tổn thất chìm tàu QB -92246-TS xảy ra ngày 26/8/2019 không thuộc trách nhiệm bồi thường của Công ty B.

Không đồng tình với cách giải quyết của Công ty B nên ông C đã có đơn kêu cứu đến Cục Quản lý giám sát bồi thường Bộ Tài chính. Ngày 17/10/2019, Cục Quản lý giám sát Bộ Tài chính đã có Công văn số 884/QLBT-PNT gửi Tổng Công ty Bảo hiểm B yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm B báo cáo kết quả giải quyết vụ việc trên trước ngày 24/10/2019. Ngày 24/10/2019, Tổng Công ty Bảo hiểm B có Công văn số 6386/BHBV-GĐBTHH phúc đáp nội dung cho rằng ông C không đưa ra được bất cứ giấy tờ chứng minh nào liên quan đến việc nộp phí.

Ngày 07/11/2019, Công ty B đã có Công văn số 393/BVQB-GĐBT, nội dung cho rằng việc Công ty B xuất hoá đơn giá trị gia tăng số 0001927 ngày 20/6/2019 cho ông Nguyễn Văn C là đúng theo quy định của Nhà nước, nhưng khách hàng Nguyễn Văn C chưa thanh toán phí bảo hiểm cho Công ty B theo số tiền ghi trên hoá đơn nói trên. Việc xuất hoá đơn là để hạch toán doanh thu phát sinh và tạo điều kiện cho khách hàng nợ phí bảo hiểm không quá 30 ngày, do đó vụ tổn thất chìm tàu QB92246TS xảy ra ngày 26/8/2019 không thuộc trách nhiệm bồi thường bảo hiểm.

Công ty B cho rằng việc cấp hoá đơn GTGT và theo đó là giấy chứng nhận Bảo hiểm tàu cá, nhưng chưa thu phí bảo hiểm nhằm tạo điều kiện cho khách hàng, thế nhưng kể từ ngày cấp hoá đơn GTGT 20/6/2019 cho đến khi tàu bị nạn thì phía Công ty B chưa một lần thông báo hoặc điện thoại cho chủ tàu về khoản phí chưa nộp. Mãi cho đến khi ông C có thông báo sự cố tàu bị chìm thì cán bộ của Công ty B mới điện thoại cho ông Võ Văn S cùng với vợ ông C là bà Trần Thị H 1 đến Ngân hàng để chuyển tiền cho Công ty B. Đó là điều bất thường dẫn đến Công ty B từ chối bồi thường thiệt hại cho tàu cá QB-92246-TS.

Việc đóng Bảo hiểm của ông C đúng theo quy định của pháp luật, nên đã được UBND tỉnh Quảng Bình hỗ trợ tại Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 với số tiền để mua bảo hiểm là 31.200.000 đồng. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xem xét đánh giá khách quan các chứng cứ mà ông C đã cung cấp để buộc Công ty B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông C theo Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu cá với số tiền là 7.800.000.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông C thay đổi yêu cầu, theo đó yêu cầu số tiền được nhận là 6.710.000.000 đồng, bao gồm 6.000.000.000 đồng là số tiền mà Tổng Công ty Bảo hiểm B phải trả theo Hợp đồng bảo hiểm và 710.000.000 đồng tiền lãi từ ngày 26/8/2019 đến ngày 26/11/2020.

-Người đại diện theo ủy quyền, ông Dương Anh D Phó Giám đốc phụ trách Công ty B có ý kiến như sau:

Tàu cá số hiệu QB-92246-TS tham gia bảo hiểm tại Công ty B theo điều kiện A – Quy tắc bảo hiểm tàu cá của Bảo hiểm B (QTTC/BV-2016), số đơn bảo hiểm 3019151 cấp ngày 20/06/2019, thời hạn bảo hiểm từ ngày 20/06/2019 đến ngày 19/06/2020, hạn nộp phí theo một kỳ duy nhất ngày 19/07/2019. Ngày 26/08/2019, tàu QB-92246-TS do chủ tàu Nguyễn Văn C làm thuyền trưởng trên đường đi khai thác hải sản thì xảy ra tai nạn chìm đắm tại vị trí có tọa độ (16°23'N – 108°21'E) thuộc vùng biển Đà Nẵng.

Căn cứ vào xác nhận chi phí và Ủy nhiệm chi thanh toán số No 1 ngày 27/08/2019 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam và các hồ sơ liên quan, xác nhận chủ tàu QB-92246-TS đã nộp phí bảo hiểm vào ngày 27/08/2019, ngay sau khi xảy ra tổn thất chìm tàu (26/08/2019) là vi phạm điều khoản thanh toán phí quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm số 3019151 và Hợp đồng bảo hiểm.

Mục 2, Điều 13 Quy tắc bảo hiểm tàu cá QTTC/BV-2016 quy định: “*Hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm: Trong mọi trường hợp mặc dù Bảo Việt đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc giấy sửa đổi bổ sung (nếu có) cho Người được bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm của tàu sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau: ...a). Người được bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 của Quy tắc này (trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản)*”.

Hợp đồng bảo hiểm số QBI.D6.TC.19.HD3019151 ký kết giữa chủ tàu Nguyễn Văn C và Công ty B có quy định rõ “*Bên B có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm theo các kỳ và thời hạn được quy định trong Hợp đồng /Thông báo thu phí. Trường hợp bên B không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực sau khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm của kỳ đến hạn thanh toán và sau đó cũng sẽ tự động được khôi phục hiệu lực ngay sau khi bên B thanh toán khoản phí chưa nộp kể trên, nhưng không phát sinh bất cứ trách nhiệm nào của bên A đối với tổn thất (có thể) đã xảy ra đối với đối tượng bảo hiểm vào khoảng thời gian từ khi hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực do chậm thanh toán phí cho đến ngày bên B thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm của kỳ đó*”.

Do đó, tổn thất chìm tàu QB -92246-TS ngày 26/08/2019 không thuộc trách nhiệm bồi thường bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 3019151 cấp ngày 20 tháng 06 năm 2019.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty B: Công ty B không chấp nhận ý kiến của Nguyên đơn đưa ra, vì sau khi tàu chìm phía nguyên đơn mới nộp phí bảo hiểm. Về ý kiến ông C cho rằng ông Nguyễn Xuân Đ và ông Nguyễn Quang T bỏ số tiền 150 triệu đồng cho ông Bảy để trực vớt tàu, thì việc này Công ty B không biết và cũng không xuất tiền cho việc trực vớt tàu.

Ý kiến của người làm chứng ông Nguyễn Xuân Đ: Năm 2019, ông Đ bán bảo hiểm cho ông C, thủ tục hợp đồng làm theo quy trình của Tổng Công ty Bảo hiểm B. Sau khi tàu bị tai nạn, ông Đ đã điện cho ông S báo cho chủ tàu nộp phí, sau đó bà H1

(vợ ông C) đã nộp tiền vào tài khoản của Công ty B. Sau khi tàu gặp tai nạn tại Đà Nẵng, chủ tàu báo với Công ty B, Lãnh đạo Công ty đã ký giấy giới thiệu cho ông Đ và ông T1 (là lái xe), ông H1, ông N vào giúp đỡ trục vớt tàu, nhưng vì bão to, gió lớn nên không trục vớt được. Sau đó ông Đ chuyển công việc, nên không biết gì thêm. Theo ông Đ tàu chưa nộp bảo hiểm, nhưng Công ty B thiếu sự đôn đốc thu phí, nên hai bên có thể thương lượng.

Ý kiến của người làm chứng ông Nguyễn Quang T: Năm 2019, ông T có nhận thông tin ông C mua bảo hiểm và giới thiệu cho phòng kinh doanh. Sau khi tàu tai nạn, ông C đã báo với Bảo hiểm, Công ty B đã cử cán bộ đi giám định, nhưng vì ảnh hưởng bão nên không trục vớt được tàu. Căn cứ theo Điều 8.1 và Điều 13 của Hợp đồng thì Bảo hiểm phải bồi thường cho ông C.

Ý kiến của người làm chứng – các ông Nguyễn Đình H 1, Mai Duy N, Mai Quốc T1: Ngày 26/8/2019, sau khi nhận được thông tin về tàu cá của ông C bị chìm, Lãnh đạo Công ty đã cử các ông vào Đà Nẵng làm việc với T rạm kiểm soát biên phòng Môn Quang thuộc Bộ chỉ huy biên phòng Đà Nẵng để nắm bắt thông tin ban đầu về vụ việc, trên xe có ông N cùng đi. Sau khi vào làm việc tại Đồn biên Phòng, xác định tàu cá bị chìm hồi 15h ngày 26/8/2019, các ông về lại Công ty báo cáo sự việc trên.

Bản án số 29/2020/DS-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 385, 386, 398, 401 của Bộ luật dân sự 2015; các Điều 12, 13, 15, 18 của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu Tổng Công ty B phải trả số tiền bảo hiểm Tàu cá QB -92246-TS là 6.710.000.000 đồng (sáu tỷ bảy trăm mười triệu đồng), trong đó tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại do tàu bị chìm 6.000.000.000 đồng, tiền lãi 710.000.000 đồng.

2. Buộc Tổng Công ty B trả lại số tiền nộp bảo hiểm 67.650.000 đồng cho ông Nguyễn Văn C.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 1 Điều 13, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí 57.355.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 28.950.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005400 ngày 12/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Số tiền còn thiếu 28.405.000 đồng buộc ông C phải nộp để sung quỹ Nhà nước.

- Tổng Công ty Bảo hiểm B không phải chịu án phí.

Bản án sơ thẩm còn tuyên việc chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án; quyền thỏa thuận, yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và vấn đề thời hiệu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 9/12/2020, ông Nguyễn Văn C kháng cáo, nội dung không chấp nhận phán quyết của án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ nội dung án sơ thẩm, buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải trả số tiền 6.710.000.000 đồng cho ông.

Ngày 11/1/2021, ông Nguyễn Văn C có gửi kháng cáo bổ sung, nội dung cho rằng án sơ thẩm xác định các ông Nguyễn Xuân Đ và Nguyễn Quang T là người làm chứng là không đúng, họ phải là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đồng thời giải thích lại nội dung kháng cáo ngày 9/12/2020, theo đó chỉ đề nghị cấp phúc thẩm buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải trả số tiền 6.710.000.000 đồng, không đề nghị cấp phúc thẩm huỷ toàn bộ nội dung án sơ thẩm.

Ngày 5/2/2021, ông Nguyễn Văn C tiếp tục có văn bản gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiêu đề ghi “Đơn kháng cáo bổ sung”, nội dung cho rằng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại đơn kháng cáo, ông có thay đổi không yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm B bồi thường số tiền 7.800.000.000 đồng cùng với khoản tiền lãi như đơn khởi kiện mà chỉ yêu cầu bồi thường với số tiền 6.000.000.000 đồng và 710.000.000 đồng tiền lãi là do muốn chia sẻ bớt khó khăn cho Tổng Công ty Bảo hiểm B. Nay thấy phía Bảo hiểm không có thái độ hợp tác, tìm cách né tránh trách nhiệm, nên ông giữ nguyên yêu cầu về vấn đề bồi thường như Đơn khởi kiện.

Ngày 5/1/2021, bà Trần Thị H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ông Nguyễn Văn C là không đúng; đề nghị TAND tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường theo giá trị hợp đồng đã ký.

Ông Võ Văn S theo xác định của Án sơ thẩm là người làm chứng, nhưng ngày 5/1/2021 có văn bản tiêu đề ghi là đơn kháng cáo, nội dung cho rằng bản thân mình là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng pháp luật để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên tham gia bảo hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, nội dung cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm; về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm vì quyết định của án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 20/6/2019, Công ty B và ông Nguyễn Văn C ký kết hợp đồng số QBI.D6.TC.19.HD3019151 về bảo hiểm thân tàu cá và thuyền viên, theo đó về bảo hiểm thân tàu, số tiền bảo hiểm là 7.800.000.000 đồng, với phí bảo hiểm là 62.400.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, phía Công ty B đã cấp cho ông Nguyễn Văn C Giấy chứng nhận bảo hiểm số 3019151 và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001927, theo đó tại cột tên hàng hoá dịch vụ ghi bảo hiểm tàu cá và bảo hiểm thuyền viên tàu QB-92246-TS; tại cột số tiền ghi số tiền 62.400.000 đồng và 5.250.000 đồng.

[2] Ngày 26/8/2019 trên đường đi khai thác hải sản, tàu QB-92246-TS do chủ tàu

Nguyễn Văn C làm thuyền trưởng gặp tai nạn chìm tàu tại vị trí có toạ độ (16°23'N – 108°21'E) thuộc vùng biển Đà Nẵng. Về sự cố này phía Tổng Công ty Bảo hiểm B và Công ty B cho rằng tại điểm 8.2.1 của Hợp đồng QBI.D6.TC.19.HD3019151 mà hai bên đã ký kết quy định phí bảo hiểm phải thanh toán trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực; đồng thời mục 2 Điều 13 Quy tắc bảo hiểm tàu cá QTTC/BV- 2016 ban hành theo Quyết định số 5373/QĐ-BHBV ngày 16/11/2016 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm B cũng quy định rõ: “*Trong mọi trường hợp mặc dù Bảo Việt đã chấp nhận bảo hiểm và đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc Giấy sửa đổi bổ sung (nếu có) cho Người được bảo hiểm, hiệu lực bảo hiểm của tàu sẽ tự động chấm dứt ngay sau khi phát sinh một trong những trường hợp sau* : a) *Người bảo hiểm không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại điểm 2 Điều 17 của Quy tắc này (trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản)*”. Do đó đã từ chối việc bồi thường tổn thất do tai nạn nói trên, vì việc có nộp phí bảo hiểm của ông Nguyễn Văn C thực hiện sau một tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và sau ngày xảy ra tai nạn chìm tàu. Phía Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 cho rằng ông Nguyễn Văn C đã ký Hợp đồng bảo hiểm thân tàu và thuyền viên với Công ty B, đã được Công ty B cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm, xuất Hoá đơn Giá trị gia tăng, nên Công ty B phải có trách nhiệm bồi thường đối với tai nạn chìm tàu ngày 26/8/2019 theo Hợp đồng đã được hai bên ký kết.

[3] Về tranh chấp giữa hai bên nói trên thấy rằng theo quy định tại Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/1/2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng, cung ứng dịch vụ, tại điểm a khoản 2 Điều 16 có quy định: “*Ngày lập hoá đơn đối với cung ứng dịch vụ là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền*”. Do đó theo quy định pháp luật này, từ ngày 20/6/2019 phát sinh trách nhiệm bảo hiểm của Công ty B, không phân biệt việc ông Nguyễn Văn C đã nộp phí bảo hiểm hay chưa. Tuy vậy ở đây có vấn đề thiếu rõ ràng, minh bạch mà hai bên chưa làm rõ khi ký kết hợp đồng và nhất là khi xuất Hoá đơn giá trị gia tăng, đó là khi Công ty B xuất Hoá đơn giá trị gia tăng 0001927 có đồng nghĩa với việc Công ty có trách nhiệm cung ứng dịch vụ bảo hiểm trong suốt thời hạn bảo hiểm (từ ngày 20/6/2019 cho đến hết ngày 19/6/2020), và khi đó số phí mà ông C chưa đóng trở thành khoản nợ mà Công ty B có quyền đòi ngay cả sau khi thời hạn bảo hiểm kết thúc, hay việc xuất hoá đơn này chỉ bảo đảm cho việc cung ứng dịch vụ bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, nếu sau thời hạn 30 ngày mà phí bảo hiểm chưa được nộp, thì việc cung ứng dịch vụ bảo hiểm sẽ chấm dứt. Do đó Hoá đơn này có được xem như là thoả thuận khác bằng văn bản về hiệu lực của Giấy chứng nhận bảo hiểm quy định tại Điều 13 mục 2 Quy tắc bảo hiểm tàu cá QTTC/BV-2016 hay không? Nếu cho rằng việc xuất Hoá đơn này nhằm bảo đảm việc cung ứng dịch vụ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng thì cũng không thể hiểu được, vì bản thân trong Hợp đồng đã quy định rõ hiệu lực của hợp đồng có từ ngày ký Hợp đồng và thời hạn thanh

toán phí bảo hiểm trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Như vậy nếu không có việc xuất Hoá đơn thì theo Hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng, phía Công ty Bảo hiểm vẫn phải bảo đảm việc cung ứng dịch vụ bảo hiểm cho người mua bảo hiểm trong trường hợp người mua bảo hiểm chưa nộp phí. Ở giai đoạn xét xử sơ thẩm, cũng như các văn bản gửi cho Tòa án Công ty B đều có ý kiến cho rằng việc xuất hoá đơn giá trị gia tăng của Công ty B là tạo điều kiện cho khách hàng nợ phí bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày, tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, khi Hội đồng xét xử hỏi với nội dung là bản thân Hợp đồng cũng đã quy định người mua phí bảo hiểm được nợ phí bảo hiểm trong thời hạn 30 ngày, cũng như trước đây khi Công ty B chưa đưa ra quy định xuất hoá đơn giá trị gia tăng vào ngày ký kết hợp đồng trong trường hợp người mua bảo hiểm chưa đóng phí thì người mua bảo hiểm vẫn được cung ứng dịch vụ bảo hiểm trong 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, vậy ý nghĩa của việc xuất hoá đơn giá trị gia tăng đối với người mua bảo hiểm là ở chỗ nào, ông Dương Anh D – Phó giám đốc Công ty trả lời với nội dung là mục đích của việc xuất hoá đơn giá trị gia tăng là để người mua bảo hiểm có đủ điều kiện được UBND tỉnh Quảng Bình hỗ trợ 50% kinh phí mua bảo hiểm thân tàu và bảo hiểm thuyền viên. Như vậy theo ý kiến trả lời của ông D, có thể thấy việc UBND tỉnh Quảng Bình quy định hồ sơ xin hỗ trợ kinh phí mua bảo hiểm của các chủ tàu cá phải có hoá đơn giá trị gia tăng là nhằm tránh những trường hợp không dùng tiền được hỗ trợ để mua bảo hiểm. Tuy vậy, nếu cho rằng tuy đã được Công ty Bảo Việt Quảng Bình xuất hoá đơn giá trị gia tăng nhưng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Hợp đồng, người mua bảo hiểm không nộp phí bảo hiểm thì Hợp đồng bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt hiệu lực như ý kiến của Công ty B, thì yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Bình về việc buộc hồ sơ xin hỗ trợ kinh phí của các chủ tàu cá phải có hoá đơn giá trị gia tăng để tránh trường hợp các chủ tàu cá nhận tiền hỗ trợ nhưng không dùng tiền hỗ trợ đó để mua bảo hiểm cũng không có ý nghĩa gì, vì điều này vẫn có thể xảy ra. Vì vậy, chỉ có cách lý giải là sau khi được xuất hoá đơn giá trị gia tăng, khoản nợ phí bảo hiểm của các chủ tàu cá đã tham gia ký kết Hợp đồng bảo hiểm là khoản nợ mà các chủ tàu cá có nghĩa vụ phải trả, ngay cả khi hết thời hạn bảo hiểm ghi trong Hợp đồng mới giải thích được một cách thoả đáng quy định của UBND tỉnh Quảng Bình.

[4] Đối với chủ tàu tham gia bảo hiểm, Thông báo thu phí bảo hiểm là loại giấy tờ quan trọng, có ý nghĩa nhắc nhở cũng như là căn cứ để họ đóng phí bảo hiểm theo yêu cầu của Công ty bảo hiểm. Điều này thể hiện ở các quy định sau trong quá trình hai bên ký kết hợp đồng: Tại khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng QBI.D6.TC.19.HĐ3019151 mà hai bên đã ký kết quy định rõ: *“Phí bảo hiểm được tính cho tàu và ghi cụ thể trên Giấy chứng nhận và /hoặc thông báo thu phí bảo hiểm của tàu. Thông báo thu phí bảo hiểm cho tàu được đính kèm và được coi là phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm này. Bên B có trách nhiệm thanh toán phí bảo hiểm theo đúng thời hạn được quy định trong Hợp đồng / Thông báo thu phí. Phí bảo hiểm được thanh toán bằng Việt Nam đồng”*. Và tại mục điều kiện, điều khoản, quy tắc cam kết và sửa đổi bổ sung của Giấy chứng nhận bảo hiểm mà Công ty B cấp ngày 20/6/2019 cũng có quy định về thông báo thu phí như sau: *“Giấy chứng nhận*



bảo hiểm này và (các) sửa đổi bổ sung liên quan chỉ có hiệu lực khi phí bảo hiểm được thanh toán đầy đủ và đúng hạn như được quy định trên Giấy chứng nhận bảo hiểm này và thông báo thu phí kèm theo, trừ khi có thỏa thuận khác bằng văn bản giữa Bảo hiểm Bảo Việt và người được bảo hiểm”. Như vậy theo các quy định này thì Công ty B phải có trách nhiệm phát hành Thông báo thu phí bảo hiểm kèm theo Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm để gia công cho ông Nguyễn Văn C, tạo điều kiện cho ông C thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký kết. Tuy vậy trong thực tế Công ty B đã không thực hiện quy định này, dẫn đến làm cho Người mua bảo hiểm gặp khó khăn trong việc hiểu và thực hiện Hợp đồng.

[5] Do sự thiếu rõ ràng trong việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng và không phát hành Thông báo thu phí của Công ty B như đã nói ở trên, dẫn đến ngay bản thân Công ty B cũng có những việc làm thiếu nhất quán sau khi tai nạn chìm tàu QB-92246-TS xảy ra. Cụ thể sau tai nạn xảy ra một ngày, ông Nguyễn Văn C mới thanh toán phí bảo hiểm, nhưng Công ty B không từ chối trách nhiệm bảo hiểm ngay từ đầu, mà vẫn cử nhân viên của mình là các ông Nguyễn Xuân Đ, Mai Quốc T1, Nguyễn Đình H1, Mai Duy N vào Đà Nẵng để giải quyết vụ chìm tàu liên quan đến trách nhiệm bảo hiểm của mình. Chỉ khi xác định không thể trực tiếp vớt được Tàu, Công ty B mới thể hiện rõ quan điểm là vụ chìm tàu QB-92246-TS ngày 26/8/2019 không thuộc trách nhiệm của Công ty B. Cũng vì sự không rõ ràng nói trên mà ngay cả một số nhân viên của Công ty B tại thời điểm xảy ra vụ chìm tàu cũng cho rằng Công ty B phải có trách nhiệm bồi thường trong vụ chìm tàu cá QB-92246-TS. Cụ thể tại bút lục 146, ông Nguyễn Xuân Đ nguyên là nhân viên Công ty B có ý kiến như sau: “Sau khi tai nạn xảy ra, tôi đã gọi điện cho anh S là tàu chưa nộp phí và thông báo chủ tàu nộp tiền và anh S cùng vợ chủ tàu đã nộp tiền vào tài khoản của Công ty B. Khi tàu bị tai nạn ở Đà Nẵng, Chủ tàu có báo với Công ty B và lãnh đạo Công ty B (có giấy giới thiệu kèm theo) đã cử tôi và anh T1 lái xe, anh Nguyễn Đình H1, anh Mai Duy N là cán bộ Bảo Việt thời điểm đó có vào để giúp chủ tàu trực tiếp vớt”. “Theo tôi thì chủ tàu chưa nộp phí, nhưng bên cạnh đó Công ty B cũng chủ quan thiếu đơn đốc thông báo thu phí và chấm dứt hợp đồng với tàu QB-92246-TS. Nên Công ty và Chủ tàu có thể thống nhất thương lượng giải quyết một cách tốt nhất cho hai bên”. Tại Bút lục 145, ông Nguyễn Quang T, nguyên là nhân viên Công ty B cũng có ý kiến như sau: “Thiết nghĩ trong Hợp đồng thể hiện rõ tại các Điều 8.1 và Điều 13 của Hợp đồng đã quy định rõ, nên đề nghị Tòa xử cho anh C được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo quy định”.

[6] Tại điểm 8.2.1 thuộc khoản 8.2 Điều 8 của Hợp đồng QBI.D6.TC.19.HĐ3019151 có quy định: “Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm: Thanh toán toàn bộ phí trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực (chậm nhất đến hết ngày 30/7/2019)”. Tại Điều 13 về hiệu lực của Hợp đồng này quy định Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên đã ký. Như vậy điểm 8.2.1 của Hợp đồng vừa quy định người mua bảo hiểm – ông Nguyễn Văn C phải thanh toán toàn bộ phí bảo hiểm trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2019 đến ngày 20/7/2019, lại vừa quy định ông C phải thanh toán toàn bộ phí bảo hiểm trong khoảng thời gian từ ngày 20/6/2019 đến ngày 30/7/2019. Mâu thuẫn này làm cho ngay trong Hợp đồng mà hai

bên đã ký kết không xác định rõ được vấn đề rất quan trọng là thời hạn thanh toán phí bảo hiểm. Đây là sơ suất, sai sót của cả hai bên trong việc ký kết Hợp đồng. Lẽ ra sau khi ký kết Hợp đồng, hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau sửa đổi Hợp đồng để khắc phục sai sót trên, tuy vậy cả hai bên đã không làm được điều này.

[7] Về các kháng cáo bổ sung các ngày 11/1/2021, 5/2/2021 của ông Nguyễn Văn C với nội dung Án sơ thẩm xác định các ông Nguyễn Xuân Đ, Nguyễn Quang T là người làm chứng là không đúng, họ phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 7,8 tỷ đồng cùng lãi; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng các nội dung này vượt quá nội dung kháng cáo ngày 9/12/2020, đồng thời đây là kháng cáo quá hạn nên không xem xét giải quyết.

[8] Về Văn bản của ông Võ Văn S gửi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình ngày 5/1/2021 với tiêu đề đơn kháng cáo, Cấp phúc thẩm thấy rằng mặc dù trước đó TAND thành phố Đồng Hới có triệu tập ông Võ Văn S đến tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng sau đó Bản án sơ thẩm đã xác định ông Võ Văn S tham gia tố tụng trong Vụ án này với tư cách người làm chứng. Việc xác định như vậy là đúng đắn vì ông S chỉ là người giúp ông Nguyễn Văn C trong việc liên hệ với các nhân viên Công ty B để làm các thủ tục cho việc ký kết Hợp đồng bảo hiểm, tức là có biết một số việc liên quan đến vụ kiện, ông Sơn không có quyền lợi và nghĩa vụ gì trong vụ án này. Mặt khác văn bản ông Võ Văn S gửi TAND tỉnh Quảng Bình sau 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm vụ án và nội dung trong đơn không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông S. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu này của ông Võ Văn S.

[9] Về đơn kháng cáo của bà Trần Thị H1 yêu cầu Tổng Công ty Bảo hiểm B bồi thường thiệt hại chìm tàu theo giá trị Hợp đồng đã ký, thấy rằng bà Trần Thị H1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, yêu cầu của bà H1 hoàn toàn thống nhất với yêu cầu theo Đơn khởi kiện và Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; mặt khác Đơn gửi đến Tòa án sau thời hạn 15 ngày được kháng cáo kể từ ngày xét xử sơ thẩm, vì vậy cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[10] Với các phân tích tại các đoạn [3], [4],[5],[6] thấy rằng việc thời hạn, thủ tục có phải chờ thông báo thu phí hay không để bên mua bảo hiểm nộp phí bảo hiểm không được xác định rõ ràng, minh bạch, dẫn đến khi tai nạn chìm tàu QB-92246-TS xảy ra, hai bên đều lý giải theo cách riêng của mình có lỗi ngang nhau từ phía hai bên là bên bán và bên mua dịch vụ bảo hiểm. Do đó đối với thiệt hại này mỗi bên phải chịu 50% trách nhiệm. Cụ thể theo Điều 4 của Hợp đồng quy định số tiền bảo hiểm thân tàu là 7.800.000.000 triệu đồng và trong trường hợp xảy ra tổn thất toàn bộ thực tế thì bên A sẽ bồi thường tổn thất theo giá trị thực tế của tàu tại thời điểm xảy ra tổn thất được định giá bởi Công ty, tổ chức định giá độc lập được các bên đồng ý chỉ định, thực hiện tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cả hai phía Nguyên đơn và Bị đơn chưa tiến hành việc thống nhất chỉ định tổ chức định giá giá trị thực tế của tàu QB-92246-TS tại thời điểm chìm tàu theo quy định tại Hợp đồng, cũng như không có ý kiến gì về vấn đề này. Ngày 11/3/2021, TAND tỉnh Quảng Bình có công văn số 354/TA, yêu cầu các bên cho biết ý kiến về việc chấp

nhận giá trị tàu tại thời điểm xảy ra chìm tàu là 7,8 tỷ đồng, hay thực hiện việc định giá như quy định tại Điều 4 Hợp đồng, nhưng phía Tổng Công ty Bảo hiểm B không có ý kiến; Công ty B tại Công văn số 72/BVQB/GĐBT ngày 18/3/2021 cho rằng thời điểm tàu xảy ra tổn thất Giấy chứng nhận bảo hiểm không có hiệu lực, nên không phát sinh sự kiện bảo hiểm, vì vậy Bảo hiểm Bảo Việt không thực hiện thẩm định lại giá tàu. Phía ông Nguyễn Văn C cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Tổng Công ty Bảo hiểm B không đưa ra yêu cầu giám định tài sản, nghĩa là đồng ý giá trị tài sản tranh chấp 7,8 tỷ đồng. Do đó Hội đồng xét xử xác định thiệt hại vụ chìm tàu QB - 92246-TS là 7,8 tỷ đồng, Nguyên đơn và Bị đơn mỗi bên phải chịu 50% đối với thiệt hại này, cụ thể mỗi bên phải chịu 3,9 tỷ đồng.

[11] Nghĩa vụ chi trả số tiền 3,9 tỷ đồng của Tổng Công ty Bảo hiểm B được xác định từ ngày 1/10/2019, tức là sau 15 ngày kể từ ngày ông C có văn bản gửi Công ty B thông báo sự cố chìm tàu và yêu cầu giải quyết (16/9/2019) theo quy định tại Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm. Do đó thời gian từ ngày 1/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án 26/11/2020 (1 năm 1 tháng 25 ngày), Bị đơn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền 3,9 tỷ đồng theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Cụ thể số tiền lãi này là:  $3,9 \text{ tỷ đồng} \times (13 \text{ tháng} + 25/30 \text{ tháng}) \times 10/12\%/\text{tháng} = 3,9 \text{ tỷ đồng} \times (13 + 5/6) \text{ tháng} \times 10/12\%/\text{tháng} = 449.583.000 \text{ đồng}$ . Như vậy, tổng số tiền mà Tổng Công ty Bảo hiểm B phải chi trả cho ông Nguyễn Văn C do vụ tai nạn chìm tàu QB - 92246-TS là 4.349.583.000 đồng. Số tiền này chưa vượt quá số tiền mà ông Nguyễn Văn C yêu cầu được nhận khi thực hiện việc thay đổi yêu cầu khởi kiện tại P hiên toà sơ thẩm.

[12] Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, sửa án sơ thẩm, buộc Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.349.583.000 đồng, do vụ tai nạn chìm tàu cá QB - 92246-TS xảy ra ngày 26/8/2019 tại vùng biển thành phố Đà Nẵng.

[13]. Do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, nên theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, án phí được xác định như sau:

- Tổng Công ty Bảo hiểm B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là : 112 triệu đồng +  $0,1\% \times (4.349.583.000 \text{ đồng} - 4.000.000.000 \text{ đồng}) = 112.349.583 \text{ đồng}$ .

- Ông Nguyễn Văn C thuộc diện được giảm 50% án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là:

$$\frac{1}{2} \times [72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times (2.360.417.000 \text{ đồng} - 2.000.000.000 \text{ đồng})] = \frac{1}{2} \times [72.000.000 \text{ đồng} + 2\% \times 360.417.000 \text{ đồng}] = \frac{1}{2} \times (72.000.000 \text{ đồng} + 7.208.340 \text{ đồng}) = \frac{1}{2} \times 79.208.340 \text{ đồng} = 39.604.170 \text{ đồng}.$$

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 308, khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 12, 13, 14, 15, 29 Luật kinh doanh bảo hiểm; khoản 1 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C, buộc Bị đơn là Tổng Công ty Bảo hiểm B phải bồi thường cho ông Nguyễn Văn C số tiền 4.349.583.000 đồng, do xảy ra vụ tai nạn chìm tàu cá QB -92246-TS vào ngày 26/8/2019 tại vùng biển thành phố Đà Nẵng.

2. Tổng Công ty Bảo hiểm B không phải trả lại số tiền phí bảo hiểm 67.650.000 đồng mà ông Nguyễn Văn C đã nộp vào tài khoản của Tổng Công ty Bảo hiểm B sau khi xảy ra vụ chìm tàu cá QB-92246-TS.

3. Tổng Công ty Bảo hiểm B phải chịu 112.349.583 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu 39.604.170 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.950.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0005400 ngày 12/2/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới, số tiền còn phải nộp tiếp là 10.654.170 đồng.

- Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền bồi thường trên, Bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (do đây là trường hợp các bên không có thỏa thuận). Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Hoàng Quảng Lực**

